Cơ quan phát hành: VĂN PHÒNG CHÍNH PHỦ

CHÍNH PHỦ	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
	Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 116/2026/NĐ-CP	*Hà Nội, ngày 02 tháng 4 năm 2026*

NGHỊ ĐỊNH

Sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định có quy định thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ số 63/2025/QH15;

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch;

Chính phủ ban hành Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định có quy định thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

Chương I
SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA NGHỊ ĐỊNH SỐ 60/2014/NĐ-CP NGÀY 19 THÁNG 6 NĂM 2014 CỦA CHÍNH PHỦ QUY ĐỊNH VỀ HOẠT ĐỘNG IN ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG BỞI NGHỊ ĐỊNH SỐ 25/2018/NĐ-CP VÀ NGHỊ ĐỊNH SỐ 72/2022/NĐ-CP

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung Điều 14 Nghị định số 60/2014/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 25/2018/NĐ-CP

"Điều 14. Đăng ký hoạt động in và các trường hợp thu hồi giấy xác nhận đăng ký hoạt động in

1. Trước khi hoạt động, cơ sở in thực hiện chế bản, in, gia công sau in sản phẩm in thuộc quy định tại khoản 4 Điều 2 Nghị định này có hồ sơ đăng ký hoạt động in với cơ quan quản lý nhà nước về hoạt động in để cấp giấy xác nhận đăng ký hoạt động in theo quy định sau đây:

a) Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch cấp giấy xác nhận đăng ký hoạt động in cho cơ sở in thuộc các bộ, cơ quan, tổ chức của trung ương và cơ sở in thuộc các tổ chức doanh nghiệp do Nhà nước là chủ sở hữu;

b) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh cấp giấy xác nhận đăng ký hoạt động in cho cơ sở in không thuộc quy định tại điểm a khoản này.

2. Hồ sơ, thủ tục đăng ký hoạt động in

a) Hồ sơ đăng ký hoạt động in gồm: tờ khai đăng ký hoạt động in theo mẫu quy định; sơ yếu lý lịch của người đại diện pháp luật/người đứng đầu cơ sở in theo mẫu quy định;

b) Cơ sở in nộp 01 bộ hồ sơ đăng ký hoạt động in trực tiếp tại Bộ phận một cửa hoặc thông qua dịch vụ bưu chính hoặc trực tuyến tại Cổng Dịch vụ công quốc gia tới cơ quan có thẩm quyền cấp giấy xác nhận đăng ký hoạt động in. Giấy xác nhận đăng ký hoạt động in điện tử có giá trị pháp lý như giấy xác nhận đăng ký hoạt động in bản giấy.

3. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày có một trong các thay đổi về thông tin đã được xác nhận, cơ sở in phải gửi hồ sơ thay đổi thông tin đăng ký hoạt động in theo mẫu quy định đến cơ quan quản lý nhà nước về hoạt động in đã cấp giấy xác nhận đăng ký hoạt động in để cấp lại giấy xác nhận đăng ký hoạt động in.

4. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đăng ký hoạt động in, hồ sơ thay đổi thông tin đăng ký hoạt động in đúng quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều này, cơ quan quản lý nhà nước về hoạt động in có trách nhiệm cấp giấy xác nhận đăng ký hoạt động in và cập nhật thông tin vào cơ sở dữ liệu quốc gia về hoạt động in; trường hợp không cấp giấy xác nhận đăng ký hoạt động in phải có văn bản trả lời nêu rõ lý do.

Trường hợp hồ sơ đăng ký hoạt động in, hồ sơ thay đổi thông tin đăng ký hoạt động in không đúng quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều này phải thông báo bằng văn bản cho cơ sở in và nêu rõ lý do.

5. Giấy xác nhận đăng ký hoạt động in bị thu hồi trong các trường hợp sau đây:

a) Cơ sở in không đáp ứng đủ các điều kiện quy định tại khoản 1 Điều 11 Nghị định này trong quá trình hoạt động mà cơ quan quản lý nhà nước về hoạt động in đã có văn bản yêu cầu cơ sở in tạm dừng hoạt động trong thời hạn 30 ngày để bổ sung đủ các điều kiện theo quy định;

b) Cơ sở in không hoạt động trên 12 tháng kể từ ngày được cấp giấy xác nhận đăng ký hoạt động in trừ trường hợp bất khả kháng, cơ sở in có văn bản giải trình và được cơ quan quản lý nhà nước về hoạt động in chấp thuận;

c) Cơ sở in chấm dứt hoạt động hoặc chia tách, sáp nhập, giải thể, bị phá sản.

6. Trình tự, thủ tục thu hồi giấy xác nhận đăng ký hoạt động in đối với trường hợp quy định tại điểm a và điểm b khoản 5 Điều này

a) Cơ quan, người có thẩm quyền tiến hành kiểm tra tại cơ sở in và lập biên bản. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày lập biên bản, cơ quan, người có thẩm quyền tiến hành kiểm tra và có văn bản thông báo tới cơ quan đã cấp giấy xác nhận đăng ký hoạt động in.

b) Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản thông báo của cơ quan, người có thẩm quyền kiểm tra, cơ quan cấp giấy xác nhận đăng ký hoạt động in phải có văn bản yêu cầu cơ sở in khắc phục nguyên nhân dẫn đến trường hợp bị thu hồi giấy xác nhận đăng ký hoạt động in. Thời hạn khắc phục nguyên nhân dẫn đến trường hợp bị thu hồi giấy xác nhận đăng ký hoạt động in là 30 ngày làm việc. Hết thời hạn 30 ngày làm việc, nếu cơ sở in không khắc phục được nguyên nhân dẫn đến trường hợp bị thu hồi giấy xác nhận đăng ký hoạt động in, thủ trưởng cơ quan cấp giấy xác nhận đăng ký hoạt động in ra quyết định thu hồi giấy xác nhận đăng ký hoạt động in và yêu cầu cơ sở in nộp lại giấy xác nhận đăng ký hoạt động in đã được cấp.

c) Đối với trường hợp thu hồi giấy xác nhận đăng ký hoạt động in quy định tại điểm b và điểm c khoản 5 Điều này, thực hiện kết luận kiểm tra thì cơ quan cấp giấy xác nhận đăng ký hoạt động in phải ra quyết định thu hồi giấy xác nhận đăng ký hoạt động in và yêu cầu cơ sở in nộp lại giấy xác nhận đăng ký hoạt động in đã được cấp.".

Điều 2. Thay thế, bãi bỏ một số mẫu, điều của Nghị định số 60/2014/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 25/2018/NĐ-CP và Nghị định số 72/2022/NĐ-CP

1. Thay thế Mẫu số 10 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 72/2022/NĐ-CP bằng Mẫu số 10 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này.

2. Bãi bỏ Điều 12 và Điều 13 Nghị định số 60/2014/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 25/2018/NĐ-CP.

3. Bãi bỏ các Mẫu số 01, 02 và 07 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 72/2022/NĐ-CP.

Chương II
SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA NGHỊ ĐỊNH SỐ 06/2016/NĐ-CP NGÀY 18 THÁNG 01 NĂM 2016 CỦA CHÍNH PHỦ QUẢN LÝ, CUNG CẤP VÀ SỬ DỤNG DỊCH VỤ PHÁT THANH, TRUYỀN HÌNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG BỞI NGHỊ ĐỊNH SỐ 71/2022/NĐ-CP

Điều 3. Sửa đổi, bổ sung, thay thế một số cụm từ, điểm, khoản của Điều 12 Nghị định số 06/2016/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 71/2022/NĐ-CP

1. Sửa đổi, bổ sung điểm d khoản 1

"d) Có các phương án: Bố trí nguồn nhân lực; đầu tư trang thiết bị kỹ thuật; dự báo và phân tích thị trường dịch vụ; kế hoạch kinh doanh và giá cước dịch vụ, dự toán chi phí đầu tư và chi phí hoạt động ít nhất trong 02 năm đầu tiên;".

2. Sửa đổi, bổ sung điểm g khoản 1

"g) Có dự kiến danh mục kênh chương trình trong nước (trừ các kênh chương trình quy định tại khoản 4 Điều 13 Nghị định này), kênh chương trình nước ngoài, nội dung theo yêu cầu, nội dung giá trị gia tăng sẽ cung cấp trên dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền;".

3. Sửa đổi, bổ sung điểm d khoản 2

"d) Bản sao Giấy phép viễn thông hoặc bản sao văn bản thỏa thuận được thuê, sử dụng mạng viễn thông của đơn vị có mạng viễn thông trong thời gian Giấy phép viễn thông có hiệu lực đối với dịch vụ quy định tại các điểm a, b, c và d khoản 1 Điều 4 Nghị định này;".

4. Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 6

"a) 60 ngày trước ngày Giấy phép hết hiệu lực, doanh nghiệp muốn gia hạn Giấy phép phải gửi văn bản đề nghị gia hạn và nêu rõ thời hạn gia hạn đến cơ quan có thẩm quyền cấp phép;".

5. Thay thế, bãi bỏ một số cụm từ, điểm, khoản

a) Thay thế cụm từ "Trong thời hạn 24 ngày làm việc" bằng cụm từ "Trong thời hạn 20 ngày làm việc" tại điểm b khoản 3.

b) Thay thế cụm từ "Trong thời hạn 12 ngày làm việc" bằng cụm từ "Trong thời hạn 10 ngày làm việc" tại điểm d khoản 5.

c) Thay thế cụm từ "Trong thời hạn 16 ngày làm việc" bằng cụm từ "Trong thời hạn 11 ngày làm việc" tại điểm b khoản 6.

d) Bãi bỏ cụm từ "thiết lập mạng" tại điểm c khoản 1.

đ) Bãi bỏ điểm b khoản 1, điểm đ khoản 2 và khoản 7.

Điều 4. Sửa đổi, bổ sung một số khoản của Điều 21 Nghị định số 06/2016/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 71/2022/NĐ-CP

1. Sửa đổi, bổ sung khoản 4

"4. Trong quá trình triển khai cung cấp dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền, nếu có thay đổi so với danh mục nội dung đã đăng ký, các đơn vị cung cấp dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền thực hiện gửi thông báo về việc sửa đổi, bổ sung danh mục nội dung tới cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận đăng ký danh mục nội dung trên dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền lần đầu.".

2. Sửa đổi, bổ sung khoản 5

"5. Hồ sơ đăng ký lần đầu danh mục nội dung trên dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền được nộp trực tiếp tại Bộ phận một cửa hoặc thông qua dịch vụ bưu chính hoặc trực tuyến tại Cổng Dịch vụ công quốc gia. Hồ sơ bao gồm:

a) Tờ khai đăng ký danh mục nội dung trên dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền theo mẫu do Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định;

b) Bản sao văn bản thỏa thuận bản quyền đối với kênh chương trình trên dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền đăng ký;

c) Bản sao văn bản thỏa thuận điểm nhận tín hiệu các kênh chương trình phục vụ nhiệm vụ chính trị, thông tin tuyên truyền thiết yếu.".

3. Sửa đổi, bổ sung khoản 6

"Hồ sơ đăng ký lần đầu thực hiện sau khi doanh nghiệp được cấp Giấy phép cung cấp dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền. Trong thời gian 16 (mười sáu) ngày làm việc, cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy phép cung cấp dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền có trách nhiệm xét cấp Giấy chứng nhận đăng ký danh mục nội dung trên dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền cho doanh nghiệp theo quy định;".

4. Bổ sung khoản 7 sau khoản 6

"7. Thông báo thay đổi danh mục kênh chương trình trên dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền:

Doanh nghiệp thay đổi danh mục kênh chương trình so với danh mục kênh chương trình đã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký thì gửi văn bản thông báo danh mục kênh chương trình thay đổi theo mẫu và gửi trực tiếp tại Bộ phận một cửa hoặc thông qua dịch vụ bưu chính hoặc trực tuyến tại Cổng Dịch vụ công quốc gia đến cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận đăng ký danh mục kênh chương trình trên dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền lần đầu ít nhất là 10 (mười) ngày làm việc trước khi thực hiện cung cấp danh mục kênh chương trình mới.".

5. Bổ sung mẫu Thông báo sửa đổi, bổ sung danh mục kênh chương trình trên dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền quy định tại khoản 7 Điều 21 Nghị định số 06/2016/NĐ-CP theo Mẫu số 01 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này.

Điều 5. Bãi bỏ điểm b khoản 2 và điểm c khoản 6 Điều 15 của Nghị định số 06/2016/NĐ-CP

Điều 6. Bãi bỏ điểm d khoản 7 Điều 18 của Nghị định số 06/2016/NĐ-CP

Điều 7. Bãi bỏ điểm b khoản 3, điểm b khoản 6, điểm c khoản 7 Điều 20 của Nghị định số 06/2016/NĐ-CP

Chương III
SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA NGHỊ ĐỊNH SỐ 144/2020/NĐ-CP NGÀY 14 THÁNG 12 NĂM 2020 CỦA CHÍNH PHỦ QUY ĐỊNH VỀ HOẠT ĐỘNG NGHỆ THUẬT BIỂU DIỄN

Điều 8. Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 3 Điều 10

"b) Kịch bản, danh mục tác phẩm gắn với tác giả, người chịu trách nhiệm chính về nội dung chương trình (đối với tác phẩm nước ngoài phải kèm bản dịch tiếng Việt).".

Điều 9. Sửa đổi, bổ sung điểm c khoản 4 Điều 13

"c) Trường hợp hồ sơ đầy đủ theo quy định, trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận hồ sơ, cơ quan nhà nước có thẩm quyền thẩm định, cấp văn bản chấp thuận tổ chức cuộc thi, liên hoan (theo Mẫu số 06 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này) đồng thời đăng tải trên hệ thống thông tin điện tử. Trường hợp không chấp thuận, phải trả lời bằng văn bản nêu rõ lý do;".

Điều 10. Sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số điểm khoản 2 Điều 20

1. Sửa đổi, bổ sung điểm c

"c) Bản sao giấy mời dự thi kèm theo bản dịch tiếng Việt.".

2. Bãi bỏ điểm b.

Chương IV
SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA NGHỊ ĐỊNH SỐ 17/2023/NĐ-CP NGÀY 26 THÁNG 4 NĂM 2023 CỦA CHÍNH PHỦ QUY ĐỊNH CHI TIẾT MỘT SỐ ĐIỀU VÀ BIỆN PHÁP THI HÀNH LUẬT SỞ HỮU TRÍ TUỆ VỀ QUYỀN TÁC GIẢ, QUYỀN LIÊN QUAN

Điều 11. Sửa đổi, bổ sung, thay thế cụm từ tại một số khoản Điều 38

1. Sửa đổi, bổ sung điểm a và điểm b khoản 5

"a) Tổ chức, cá nhân nộp 01 bộ hồ sơ theo quy định tại các khoản 1, 2, 3 và 8 Điều này, khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 40 và khoản 2 Điều 41 của Nghị định này, nộp phí, lệ phí và nhận kết quả giải quyết thủ tục hành chính theo quy định của pháp luật;

b) Cơ quan nhà nước có thẩm quyền rà soát, phân loại, xem xét tính hợp lệ của hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận đăng ký quyền tác giả, Giấy chứng nhận đăng ký quyền liên quan trong thời hạn 22 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ;

Cơ quan nhà nước có thẩm quyền rà soát, phân loại, xem xét tính hợp lệ của hồ sơ đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký quyền tác giả, Giấy chứng nhận đăng ký quyền liên quan trong thời hạn 8 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ;

Cơ quan nhà nước có thẩm quyền rà soát, phân loại, xem xét tính hợp lệ của hồ sơ đề nghị cấp đổi Giấy chứng nhận đăng ký quyền tác giả, Giấy chứng

nhận đăng ký quyền liên quan trong thời hạn 13 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ;".

2. Thay thế cụm từ "tư vấn dịch vụ quyền tác giả, quyền liên quan" bằng cụm từ "đáp ứng quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 55 Nghị định này" tại khoản 2, điểm a và điểm b khoản 3.

Điều 12. Sửa đổi, bổ sung điểm d khoản 1 Điều 39

"d) Tài liệu chứng minh là chủ sở hữu quyền:

Tài liệu chứng minh nhân thân đối với cá nhân: 01 bản sao Căn cước hoặc Căn cước công dân hoặc Hộ chiếu;

Tài liệu chứng minh tư cách pháp lý đối với tổ chức: 01 bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy phép thành lập hoặc Quyết định thành lập;

Trường hợp cơ quan tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính khai thác được thông tin từ Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp, cơ sở dữ liệu khác thì cá nhân, tổ chức không phải nộp tài liệu chứng minh nhân thân và tài liệu chứng minh tư cách pháp lý.

Trường hợp không khai thác được thông tin hoặc thông tin khai thác được không đầy đủ, không chính xác thì cơ quan tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính yêu cầu tổ chức, cá nhân bổ sung thành phần hồ sơ.

Tài liệu chứng minh chủ sở hữu quyền do giao nhiệm vụ sáng tạo là quyết định giao nhiệm vụ hoặc xác nhận giao nhiệm vụ cho cá nhân thuộc đơn vị, tổ chức đó;".

Điều 13. Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 2 Điều 40

"a) Tờ khai đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký quyền tác giả, Giấy chứng nhận đăng ký quyền liên quan (theo mẫu) do chính tác giả, chủ sở hữu quyền tác giả, chủ sở hữu quyền liên quan ký tên hoặc điểm chỉ, trừ trường hợp không có khả năng về thể chất để ký tên hoặc điểm chỉ;".

Điều 14. Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 2 Điều 41

"a) Tờ khai đề nghị cấp đổi Giấy chứng nhận đăng ký quyền tác giả, Giấy chứng nhận đăng ký quyền liên quan (theo mẫu) do chính tác giả, chủ sở hữu quyền tác giả, chủ sở hữu quyền liên quan ký tên hoặc điểm chỉ, trừ trường hợp không có khả năng về thể chất để ký tên hoặc điểm chỉ;".

Điều 15. Bãi bỏ một số mẫu, điểm, khoản, điều của Nghị định số 17/2023/NĐ-CP

1. Bãi bỏ điểm c khoản 2 Điều 42, khoản 4 Điều 46, khoản 3, 4 và 5 Điều 55.

2. Bãi bỏ Mẫu số 08 tại Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định số 17/2023/NĐ-CP.

Chương V
SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA NGHỊ ĐỊNH SỐ 76/2023/NĐ-CP NGÀY 01 THÁNG 11 NĂM 2023 CỦA CHÍNH PHỦ QUY ĐỊNH CHI TIẾT MỘT SỐ ĐIỀU CỦA LUẬT PHÒNG, CHỐNG BẠO LỰC GIA ĐÌNH

Điều 16. Sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ một số cụm từ, điểm, khoản Điều 28

1. Sửa đổi, bổ sung điểm d khoản 1

"d) Yêu cầu hồ sơ của người đứng đầu: (1) Giấy khám sức khỏe của cơ sở y tế có thẩm quyền theo quy định của pháp luật về khám sức khỏe; (2) Bản cam kết chưa bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc chưa bị xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực phòng, chống bạo lực gia đình theo Mẫu số 16 của Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này;

Trường hợp cơ quan tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính khai thác được thông tin từ Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, cơ sở dữ liệu khác thì cá nhân không phải nộp Giấy khám sức khỏe của cơ sở y tế có thẩm quyền theo quy định của pháp luật về khám sức khỏe.

Trường hợp không khai thác được thông tin hoặc thông tin khai thác được không đầy đủ, không chính xác thì cơ quan tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính yêu cầu cá nhân bổ sung thành phần hồ sơ.".

2. Bãi bỏ điểm c và đ khoản 1 Điều 28.

3. Thay thế cụm từ "trong thời hạn 10 ngày làm việc" bằng cụm từ "trong thời hạn 06 ngày làm việc" tại điểm b khoản 2.

Chương VI
SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA NGHỊ ĐỊNH SỐ 147/2024/NĐ-CP NGÀY 09 THÁNG 11 NĂM 2024 CỦA CHÍNH PHỦ QUẢN LÝ, CUNG CẤP, SỬ DỤNG DỊCH VỤ INTERNET VÀ THÔNG TIN TRÊN MẠNG

Điều 17. Sửa đổi, bổ sung khoản 7 Điều 9

"7. Thông tin phải cung cấp khi đăng ký sử dụng tên miền

a) Đối với cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp: Tên cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp; mã định danh điện tử của tổ chức; mã số doanh nghiệp; mã số thuế; địa chỉ đầy đủ của trụ sở chính; số điện thoại; địa chỉ thư điện tử; thông tin người

quản lý tên miền; thông tin người quản lý kỹ thuật của tên miền; thông tin tổ chức hoặc cá nhân nộp phí, lệ phí đăng ký sử dụng tên miền;

b) Đối với cá nhân, hộ kinh doanh: Họ và tên cá nhân; tên hộ kinh doanh, họ và tên chủ hộ kinh doanh hoặc đại diện hộ kinh doanh; ngày, tháng, năm sinh; số định danh cá nhân hoặc số căn cước công dân hoặc số hộ chiếu và nơi cấp, ngày cấp; mã số đăng ký hộ kinh doanh; mã số thuế hộ kinh doanh; địa chỉ thường trú; số điện thoại; địa chỉ thư điện tử.".

Điều 18. Sửa đổi, bổ sung Điều 15

1. Sửa đổi, bổ sung khoản 2

"2. Tổ chức quản lý tên miền dùng chung cấp cao nhất mới được cung cấp dịch vụ khi đáp ứng đủ các điều kiện sau đây để được cấp phép hoạt động:

a) Là tổ chức, doanh nghiệp Việt Nam;

b) Đáp ứng năng lực kỹ thuật, bảo đảm an toàn thông tin mạng, an ninh thông tin để quản lý hoạt động tên miền.".

2. Sửa đổi, bổ sung điểm c khoản 3

"c) Đề án hoạt động có xác nhận của người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp hoặc người đứng đầu tổ chức, doanh nghiệp Việt Nam đề nghị cấp phép. Đề án bao gồm các nội dung chính: Báo cáo thuyết minh về quy mô hoạt động và năng lực kỹ thuật; các biện pháp bảo đảm an toàn thông tin mạng, an ninh thông tin để triển khai hoạt động của tổ chức quản lý tên miền dùng chung cấp cao nhất mới tại Việt Nam.".

Điều 19. Sửa đổi, bổ sung Điều 29

1. Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 1

"b) Bản sao hợp lệ (bao gồm bản sao được cấp từ sổ gốc hoặc bản sao chứng thực hoặc bản sao chứng thực điện tử hoặc bản sao đối chiếu với bản gốc) Quyết định thành lập, Điều lệ hoạt động (đối với các tổ chức hội, đoàn thể). Quyết định thành lập hoặc Điều lệ hoạt động phải có chức năng nhiệm vụ phù hợp với nội dung thông tin cung cấp trên trang thông tin điện tử tổng hợp;".

2. Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 2

"b) Bản sao hợp lệ (bao gồm bản sao được cấp từ sổ gốc hoặc bản sao chứng thực hoặc bản sao chứng thực điện tử hoặc bản sao đối chiếu với bản gốc) Quyết định thành lập, Điều lệ hoạt động (đối với các tổ chức hội, đoàn thể). Quyết định thành lập hoặc Điều lệ hoạt động phải có chức năng nhiệm vụ phù hợp với nội dung thông tin cung cấp trên trang thông tin điện tử tổng hợp;".

Điều 20. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 31

"1. Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch (Cục Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử) gửi văn bản thông báo đến mạng xã hội có số lượng người truy cập thường xuyên lớn (qua dịch vụ bưu chính hoặc qua phương tiện điện tử) về việc nộp hồ sơ đề nghị cấp phép theo quy định.

Trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày nhận được thông báo, cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp được tiếp tục cung cấp dịch vụ mạng xã hội đang cung cấp và nộp 01 bộ hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép cung cấp dịch vụ mạng xã hội trực tiếp tại bộ phận một cửa hoặc thông qua dịch vụ bưu chính hoặc trực tuyến tại Cổng Dịch vụ công quốc gia tới Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch (Cục Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử).

Trong thời hạn 22 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ của cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch (Cục Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử) xem xét, cấp Giấy phép theo Mẫu số 19 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này và gửi cho cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp được cấp phép một đoạn mã (thể hiện biểu tượng mạng xã hội đã được cấp phép) qua địa chỉ thư điện tử của cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp.

Trường hợp từ chối, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch (Cục Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử) có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.

Cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp thực hiện gắn đoạn mã đã được cấp vào nội dung mô tả dịch vụ trên kho ứng dụng (nếu có) và trên mạng xã hội. Đoạn mã được liên kết đến mục số liệu cấp phép trên Cổng thông tin điện tử của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch (Cục Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử).".

Điều 21. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 43

"2. Quyết định phát hành trò chơi điện tử G1 trên mạng có thời hạn theo thời hạn của văn bản thỏa thuận cho doanh nghiệp được phát hành tại Việt Nam nhưng không quá 05 năm. Trường hợp văn bản thỏa thuận cho doanh nghiệp được phát hành tại Việt Nam được tiếp tục gia hạn thì thực hiện thủ tục đề nghị sửa đổi, bổ sung Quyết định phát hành trò chơi điện tử G1 trên mạng trên mạng theo quy định tại Điều 46 Nghị định này.".

Điều 22. Bổ sung điểm e và g sau điểm đ tại khoản 1 Điều 46

"e) Văn bản thỏa thuận cho doanh nghiệp được phát hành trò chơi tại Việt Nam theo quy định tại khoản 2 Điều 43 được tiếp tục gia hạn;

g) Quyết định phê duyệt nội dung, kịch bản trò chơi điện tử G1 trên mạng hết hiệu lực theo quy định tại khoản 4 Điều 82 Nghị định này.".

Điều 23. Sửa đổi, bổ sung một số điểm, khoản Điều 52

1. Sửa đổi, bổ sung khoản 2

"2. Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Sở Văn hóa và Thể thao/Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch thẩm định hồ sơ Thông báo phát hành. Trường hợp đáp ứng đầy đủ điều kiện, Sở Văn hóa và Thể thao/Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch xem xét, cấp Giấy xác nhận thông báo phát hành trò chơi điện tử G2, G3, G4 trên mạng cho doanh nghiệp theo Mẫu số 44 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 147/2024/NĐ-CP.

Giấy xác nhận thông báo phát hành trò chơi điện tử G2, G3, G4 trên mạng có thời hạn theo thời hạn của văn bản thỏa thuận cho doanh nghiệp được phát hành tại Việt Nam nhưng không quá 05 năm. Trường hợp văn bản thỏa thuận cho doanh nghiệp được phát hành tại Việt Nam được tiếp tục gia hạn thì thực hiện thủ tục đề nghị sửa đổi, bổ sung Giấy xác nhận theo quy định tại khoản 3 Điều 52 Nghị định này.

Trường hợp từ chối, Sở Văn hóa và Thể thao/Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch có văn bản trả lời và nêu rõ lý do."

2. Bổ sung điểm e và điểm g sau điểm đ tại khoản 3

"e) Văn bản ủy quyền theo quy định tại khoản 2 Điều 52 được tiếp tục gia hạn;

g) Giấy xác nhận thông báo cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử G2, G3, G4 trên mạng hết hiệu lực theo quy định tại khoản 7 Điều 82 Nghị định này.".

Điều 24. Sửa đổi, bổ sung một số khoản Điều 70

1. Sửa đổi, bổ sung khoản 1

"1. Cung cấp dịch vụ nội dung thông tin trên mạng viễn thông di động là việc tổ chức, doanh nghiệp thiết lập hệ thống thiết bị tại Việt Nam để kết nối tới mạng viễn thông di động nhằm cung cấp nội dung thông tin tới người sử dụng dịch vụ viễn thông di động gắn liền với dịch vụ nhắn tin, dịch vụ thoại (dịch vụ gọi giá cao, dịch vụ gọi tự do, dịch vụ giải đáp thông tin) và dịch vụ truy nhập Internet trên mạng viễn thông di động.".

2. Sửa đổi, bổ sung lời dẫn tại khoản 3

"3. Tổ chức, doanh nghiệp cung cấp dịch vụ nội dung thông tin trên mạng viễn thông di động phải đáp ứng đầy đủ các điều kiện sau đây:".

Điều 25. Sửa đổi, bổ sung điểm c và điểm d khoản 4 Điều 75

"c) Có Quyết định thu hồi mã, số viễn thông hoặc quyết định về việc hoàn trả mã, số viễn thông theo quy định của pháp luật về viễn thông.

d) Tổ chức, doanh nghiệp không đáp ứng điều kiện cung cấp dịch vụ nội dung thông tin trên mạng viễn thông di động quy định tại khoản 3 Điều 70 của Nghị định này.".

Điều 26. Thay thế, bãi bỏ một số nội dung, điểm, khoản, điều của Nghị định số 147/2024/NĐ-CP

1. Bãi bỏ nội dung "bản sao hợp lệ (bao gồm bản sao được cấp từ sổ gốc hoặc bản sao chứng thực hoặc bản sao chứng thực điện tử hoặc bản sao đối chiếu với bản gốc) một trong các loại giấy tờ: Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (hoặc bản sao hợp lệ giấy chứng nhận, giấy phép tương đương hợp lệ khác được cấp trước ngày có hiệu lực của Luật Đầu tư số 67/2014/QH13 và Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14)" tại khoản 2 Điều 31.

2. Bãi bỏ cụm từ "có Giấy chứng nhận đăng ký kết nối để cung cấp dịch vụ nội dung thông tin trên mạng viễn thông di động và" và cụm từ "Đối với dịch vụ gọi tự do, dịch vụ gọi giá cao thì không phải thực hiện thủ tục đăng ký kết nối để cung cấp dịch vụ nội dung thông tin trên mạng viễn thông di động" tại khoản 2 Điều 70.

3. Thay thế cụm từ "trong thời hạn 15 ngày" bằng cụm từ "trong thời hạn 10 ngày" tại điểm c khoản 3 Điều 14.

4. Thay thế cụm từ "Trong thời hạn 30 ngày" bằng cụm từ "Trong thời hạn 15 ngày" tại khoản 5 Điều 13.

5. Thay thế Mẫu số 07 tại Phụ lục kèm theo Nghị định số 147/2024/NĐ-CP bằng Mẫu số 07 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này.

6. Thay thế Mẫu số 19 tại Phụ lục kèm theo Nghị định số 147/2024/NĐ-CP bằng Mẫu số 19 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này.

7. Thay thế Mẫu số 61 tại Phụ lục kèm theo Nghị định số 147/2024/NĐ-CP bằng Mẫu số 61 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này.

8. Bãi bỏ điểm c khoản 1 Điều 28; khoản 5 Điều 32; điểm l khoản 1 Điều 39; khoản 2 Điều 40; khoản 6 điều 42; điểm b khoản 3 Điều 44; khoản 5 Điều 46; khoản 6 Điều 51; khoản 4 Điều 52; điểm b khoản 1 Điều 64; khoản 4 Điều 66; Điều 71; Điều 72; Điều 73, khoản 9 Điều 82.

9. Bãi bỏ các Mẫu số 27, 28, 33, 37, 42, 46, 55a, 55b, 56, 57, 58, 59, 60 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 147/2024/NĐ-CP.

10. Đối với thành phần hồ sơ quy định tại điểm b khoản 3 Điều 13, điểm a khoản 3 Điều 14, điểm b khoản 3 Điều 15, điểm b khoản 6 Điều 17 Nghị định số 147/2024/NĐ-CP, trường hợp cơ quan tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính khai thác được thông tin từ Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp, cơ sở dữ liệu khác thì tổ chức, doanh nghiệp không phải nộp các thành phần hồ sơ này.

Trường hợp không khai thác được thông tin hoặc thông tin khai thác được không đầy đủ, không chính xác thì cơ quan tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính yêu cầu tổ chức, doanh nghiệp bổ sung thành phần hồ sơ.

Chương VII
THAY THẾ CỤM TỪ TẠI NGHỊ ĐỊNH SỐ 131/2022/NĐ-CP NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2022 CỦA CHÍNH PHỦ QUY ĐỊNH CHI TIẾT MỘT SỐ ĐIỀU CỦA LUẬT ĐIỆN ẢNH

Điều 27. Thay thế cụm từ "Trong thời hạn 15 ngày" bằng cụm từ "Trong thời hạn 10 ngày" tại điểm b khoản 3 Điều 12.

Chương VIII
BÃI BỎ MỘT SỐ KHOẢN TẠI MỘT SỐ ĐIỀU CỦA NGHỊ ĐỊNH SỐ 54/2019/NĐ-CP NGÀY 19 THÁNG 6 NĂM 2019 CỦA CHÍNH PHỦ QUY ĐỊNH VỀ KINH DOANH DỊCH VỤ KARAOKE, DỊCH VỤ VŨ TRƯỜNG ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG BỞI NGHỊ ĐỊNH SỐ 148/2024/NĐ-CP

Điều 28. Bãi bỏ khoản 3 Điều 4.

Điều 29. Bãi bỏ khoản 3 và khoản 5 Điều 5.

Điều 30. Bãi bỏ khoản 2 Điều 10.

Chương IX
HIỆU LỰC THI HÀNH

Điều 31. Hiệu lực thi hành

1. Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 08 tháng 4 năm 2026.

2. Cá nhân, tổ chức đã nộp hồ sơ cho cơ quan tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính và đã được tiếp nhận để giải quyết thủ tục hành chính trước ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành thì cơ quan tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính tiếp tục giải quyết thủ tục hành chính theo quy định của pháp luật trước thời điểm Nghị định này có hiệu lực.

3. Đối với các thủ tục đã được bãi bỏ nhưng tổ chức, cá nhân đã nộp hồ sơ cho cơ quan tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính, cơ quan tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính có trách nhiệm thông báo về thủ tục hành chính đã được bãi bỏ và trả hồ sơ cho tổ chức, cá nhân.

4. Giấy chứng nhận đăng ký kết nối để cung cấp dịch vụ nội dung thông tin trên mạng viễn thông di động được cấp theo quy định tại Nghị định số 147/2024/NĐ-CP hết hiệu lực kể từ thời điểm Nghị định này có hiệu lực.

5. Hồ sơ đề nghị cung cấp dịch vụ đăng ký, duy trì tên miền quốc gia Việt Nam ".vn", báo cáo cung cấp dịch vụ Nhà đăng ký tên miền quốc tế tại Việt Nam đã nộp nhưng chưa hoàn tất xử lý vào ngày có hiệu lực thi hành của Nghị định này được tiếp tục xử lý theo thời hạn quy định tại Điều 13, Điều 14 Nghị định số 147/2024/NĐ-CP.

6. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cơ quan, tổ chức, cá nhân có quyền và nghĩa vụ liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.

Nơi nhận:
- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan trung ương của các tổ chức chính trị - xã hội;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Cổng TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: VT, CĐS (2).

TM. CHÍNH PHỦ
KT. THỦ TƯỚNG
PHÓ THỦ TƯỚNG

Mai Văn Chính

Phụ lục

(Kèm theo Nghị định số 116/2026/NĐ-CP ngày 02 tháng 4 năm 2026 của Chính phủ)

Mẫu số 01	Văn bản thông báo sửa đổi, bổ sung danh mục kênh chương trình trên dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền
Mẫu số 07	Bản khai đăng ký địa chỉ Internet
Mẫu số 10	Giấy xác nhận đăng ký hoạt động in
Mẫu số 19	Giấy phép cung cấp dịch vụ mạng xã hội
Mẫu số 61	Báo cáo hoạt động kết nối để cung cấp dịch vụ nội dung thông tin trên mạng viễn thông di động

Mẫu số 01

TÊN DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày.....tháng.....năm 20...

THÔNG BÁO SỬA ĐỔI, BỔ SUNG DANH MỤC KÊNH CHƯƠNG TRÌNH TRÊN DỊCH VỤ PHÁT THANH, TRUYỀN HÌNH TRẢ TIỀN

Kính gửi: .....[1]

Tên doanh nghiệp *(viết chữ in hoa)*: .....

- Địa chỉ trụ sở chính: .....
- Điện thoại: ..... - Fax: .....
- Email (nếu có): .....
- Website (nếu có): .....
- Giấy phép cung cấp dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền số ....do... *cấp.... lần đầu ngày tháng.... năm...cấp ngày.... tháng...năm .....*
- Giấy chứng nhận đăng ký danh mục kênh chương trình trên dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền số....do...cấp ngày..... tháng..... năm... *(áp dụng đối với trường hợp sửa đổi, bổ sung)*

1. Thông báo sửa đổi, bổ sung danh mục kênh chương trình trên dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền như sau:

STT	TÊN KÊNH/ BIỂU TƯỢNG KÊNH CHƯƠNG TRÌNH	ĐƠN VỊ CUNG CẤP NỘI DUNG (CHỊU TRÁCH NHIỆM NỘI DUNG KÊNH CHƯƠNG TRÌNH)	ĐẠI LÝ CUNG CẤP KÊNH CHƯƠNG TRÌNH (đối với kênh chương trình nước ngoài)	VĂN BẢN THỎA THUẬN BẢN QUYỀN KÊNH CHƯƠNG TRÌNH	VĂN BẢN THỎA THUẬN ĐIỂM NHẬN TÍN HIỆU KÊNH CHƯƠNG TRÌNH	ĐỘ PHÂN GIẢI HÌNH ẢNH	PHẠM VI CUNG CẤP	THỜI GIAN CUNG CẤP/ THỜI GIAN DỪNG CUNG CẤP
I	**Kênh chương trình truyền hình phục vụ nhiệm vụ chính trị, thông tin tuyên truyền thiết yếu của quốc gia**							
1	**Ví dụ:** VTV1	Đài Truyền hình Việt Nam				SD và HD	Trên toàn hệ thống dịch vụ của doanh nghiệp	
II	**Kênh chương trình truyền hình phục vụ nhiệm vụ chính trị, thông tin tuyên truyền thiết yếu của địa phương**							
1	**Ví dụ:** HTV9	Đài Truyền hình thành phố Hồ Chí Minh					Trên toàn hệ thống dịch vụ của doanh nghiệp	

[1] Cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận đăng ký danh mục nội dung trên dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền lần đầu.

III	**Các kênh chương trình trong nước khác**							
1	**Ví dụ:** VTV3	Đài Truyền hình Việt Nam					Trên toàn hệ thống dịch vụ của doanh nghiệp	
IV	**Kênh chương trình nước ngoài**							
1	**Ví dụ:** Cartoon Network	Đài Truyền hình Việt Nam					Trên toàn hệ thống dịch vụ của doanh nghiệp	

2. Thông báo sửa đổi, bổ sung kênh chương trình cài đặt tên, biểu tượng (logo) dịch vụ:

STT	TÊN KÊNH/ BIỂU TƯỢNG KÊNH CHƯƠNG TRÌNH	ĐƠN VỊ CUNG CẤP NỘI DUNG (CHỊU TRÁCH NHIỆM NỘI DUNG KÊNH CHƯƠNG TRÌNH)	ĐẠI LÝ CUNG CẤP KÊNH CHƯƠNG TRÌNH (đối với kênh chương trình nước ngoài)	VĂN BẢN THỎA THUẬN BẢN QUYỀN KÊNH CHƯƠNG TRÌNH	VĂN BẢN THỎA THUẬN ĐIỂM NHẬN TÍN HIỆU KÊNH CHƯƠNG TRÌNH	ĐỘ PHÂN GIẢI HÌNH ẢNH	PHẠM VI CUNG CẤP	THỜI GIAN CUNG CẤP/ THỜI GIAN DỪNG CUNG CẤP
1								
2								
3								

3. Tài liệu kèm theo:

(1) .....

(2) .....

4. Cam kết

(Tên doanh nghiệp) cam kết:

4.1. Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác và tính hợp pháp của nội dung nêu trên và các tài liệu kèm theo; nếu sai hoặc có khiếu nại/tranh chấp *(tên doanh nghiệp)* xin chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật Việt Nam.

4.2. *(Tên doanh nghiệp)* cam kết cung cấp đúng danh mục các kênh chương trình đã được ghi tại Giấy chứng nhận đăng ký danh mục kênh chương trình trên dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền; văn bản thông báo danh mục kênh và thực hiện các quy định khác của pháp luật Việt Nam có liên quan./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- .....;
- Lưu:

Đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp
(Ký tên, đóng dấu)

Ghi chú: Các nội dung in nghiêng được quy định phụ thuộc vào từng trường hợp cụ thể.

Mẫu số 07

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN KHAI ĐĂNG KÝ ĐỊA CHỈ INTERNET (HOẶC ĐỊA CHỈ INTERNET VÀ SỐ HIỆU MẠNG)

Kính gửi: Trung tâm Internet Việt Nam.

1. Thông tin về cơ quan/tổ chức/ doanh nghiệp là chủ thể đăng ký sử dụng địa chỉ Internet (hoặc địa chỉ Internet và số hiệu mạng)	Tên cơ quan/tổ chức/doanh nghiệp: ..... Tên mạng (netname) thành viên: ..... *(netname phải đảm bảo duy nhất, không trùng với netname của các thành viên khác đã có)* Địa chỉ liên hệ: ..... Số điện thoại: ..... Email: ..... Abuse-mailbox: ..... Website: ..... Mã định danh điện tử của tổ chức: ..... Mã số doanh nghiệp: ..... Ghi chú: .....
2. Người đại diện theo pháp luật của cơ quan/tổ chức/ doanh nghiệp là chủ thể đăng ký sử dụng địa chỉ Internet/ số hiệu mạng	Họ và tên: ..... Chức vụ: ..... Số định danh cá nhân hoặc số hộ chiếu: ..... Địa chỉ: ..... Tỉnh/thành phố: ..... Số điện thoại: ..... Email: .....
3. Thông tin về người chịu trách nhiệm của cơ quan/ tổ chức/doanh nghiệp trong việc quản lý địa chỉ Internet/số hiệu mạng	**Người chịu trách nhiệm quản lý địa chỉ Internet/số hiệu mạng:** Họ tên: ..... Chức vụ: ..... Số điện thoại: ..... Email: ..... **Người quản lý kỹ thuật:** Họ tên: ..... Chức vụ: ..... Số điện thoại: ..... Email: .....

4. Vùng địa chỉ Internet/số hiệu mạng có đề nghị cấp *	□ **Trường hợp 1** - đăng ký mới: IPv4/IPv6/ASN: ……..….. *(VD: /23 IPv4, /48 IPv6 hoặc /32 IPv6, 01 ASN)* □ **Trường hợp 2** - đăng ký tái cấp IPv4: *(Nêu rõ thông tin vùng địa chỉ Internet đang được Trung tâm Internet Việt Nam niêm yết)* □ **Trường hợp 3** - đổi tên chủ thể sử dụng: *(Nêu rõ thông tin vùng* **địa chỉ Internet/số hiệu mạng** *có nhu cầu đổi tên chủ thể; thông tin tên chủ thể, tên mạng, mã số cơ quan/đơn vị/doanh nghiệp đang đứng tên quản lý vùng địa chỉ Internet/số hiệu mạng)* □ **Trường hợp 4** - tiếp nhận vùng địa chỉ Internet, số hiệu mạng từ tổ chức quốc tế: *(Nêu rõ thông tin vùng địa chỉ Internet/số hiệu mạng tiếp nhận; thông tin về tên, tên mạng, địa chỉ, email liên hệ của tổ chức quốc tế)*
5. Hiện trạng sử dụng các vùng địa chỉ Internet đã được cấp	Tổng địa chỉ Internet đã được cấp: …… Tỷ lệ % địa chỉ Internet đã sử dụng: …… Thông tin bổ sung: ……
6. Kế hoạch sử dụng vùng địa chỉ hiện có đề nghị cấp	*(Tổ chức mô tả chi tiết kế hoạch sử dụng vùng địa chỉ Internet có nhu cầu nghị cấp tại đây)* - Vùng địa chỉ | sử dụng nội bộ| thời điểm sử dụng hết - Vùng địa chỉ | sử dụng cho dịch vụ | thời điểm sử dụng hết VD:01/24 IPv4 và 01/56 IPv6 | Hệ thống, dịch vụ CNTT nội bộ | tháng .../202... 01/24 IPv4 và 01/48 IPv6| Dịch vụ FTTH tại HN | tháng .../202…
7. Thông tin kết nối *(thông tin đường truyền kết nối Internet)*	Đường truyền kết nối Internet 1: Tên nhà cung cấp (số hiệu mạng) Đường truyền kết nối Internet 2: Tên nhà cung cấp (số hiệu mạng) VD: Đường truyền kết nối Internet 1: VNPT (AS45899) Đường truyền kết nối Internet 2: VNIX (AS23902)
8. Thông tin liên hệ nộp phí duy trì, sử dụng địa chỉ	Đơn vị thanh toán: …… Họ và tên/Chức vụ người chịu trách nhiệm nộp phí: …… Địa chỉ thanh toán: …… Điện thoại: ……... Email:……..

Cơ quan/Tổ chức/Doanh nghiệp đăng ký địa chỉ Internet cam kết tuân thủ quy định của pháp luật về quản lý và sử dụng tài nguyên Internet.

……., ngày ..... tháng .... năm ....

Xác nhận của tổ chức đăng ký

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT/

NGƯỜI ĐỨNG ĐẦU CƠ QUAN, TỔ CHỨC, DOANH NGHIỆP

(Ký, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu/ký số)

Lưu ý:

- Yêu cầu bắt buộc khai toàn bộ các trường thông tin, áp dụng trong cả 4 trường hợp quy định tại mục 4.

- Địa chỉ email của các cá nhân đã đăng ký tại mục 3 sẽ được đưa vào danh sách cho phép thực hiện các giao dịch qua email với Trung tâm Internet Việt Nam liên quan tới địa chỉ Internet, số hiệu mạng đã phân bổ, cấp.

- *Lưu ý*:*

+ Tại mục 4: lựa chọn một trong các trường hợp.

+ Tại phần xác nhận bản khai: Trường hợp thay đổi tên chủ thể sử dụng vùng địa chỉ Internet/số hiệu mạng, yêu cầu có xác nhận của cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp đang đứng tên quản lý vùng địa chỉ Internet/số hiệu mạng.

Mẫu số 10

TÊN CƠ QUAN CẤP GIẤY XÁC NHẬN	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: ...../ GP-[1]	*....., ngày ... tháng ... năm ....*

GIẤY XÁC NHẬN ĐĂNG KÝ HOẠT ĐỘNG IN

..... [2]

Căn cứ Nghị định số 60/2014/NĐ-CP ngày 19 tháng 6 năm 2014 của Chính phủ quy định về hoạt động in (đã được sửa đổi, bổ sung một số điều năm 2018, năm 2022 và năm 2025;

Căn cứ Nghị định số ..../...../NĐ-CP ngày .... tháng .... năm .... của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định có quy định thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch;

Xét Tờ khai đăng ký hoạt động cơ sở in của .....

XÁC NHẬN:

1. Cơ sở in/chi nhánh: .....

- Địa chỉ trụ sở chính: .....

- Địa chỉ chi nhánh (nếu có): .....

- Họ tên người đứng đầu: .....

- Căn cước công dân hoặc hoặc số định danh cá nhân: .....

Hộ chiếu (đối với người nước ngoài): Số ..... ngày…. tháng … năm ….. nơi cấp .....

- Chức vụ: .....

2. Được xác nhận:.....[3]

3. Giấy xác nhận này thay thế cho Giấy xác nhận số....., ngày..... tháng ..... năm.....[4]

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN
(Ký, ghi rõ chức vụ, họ tên và đóng dấu)

---

[1] Chữ viết tắt tên cơ quan cấp giấy xác nhận.

[2] Ghi tên chức vụ và cơ quan cấp giấy xác nhận đăng ký theo quy định của pháp luật.

[3] Ghi cụ thể từng công đoạn chế bản, in, gia công sau in phù hợp với thiết bị in và từng loại sản phẩm in theo quy định.

[4] Sử dụng trong trường hợp thay đổi giấy xác nhận.

Mẫu số 19

BỘ VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH **CỤC PHÁT THANH, TRUYỀN HÌNH VÀ THÔNG TIN ĐIỆN TỬ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: /GP-PTTH&TTĐT	*Hà Nội, ngày tháng năm*

GIẤY PHÉP CUNG CẤP DỊCH VỤ MẠNG XÃ HỘI

Cấp lần đầu: ngày .... tháng .... năm ....
Cấp sửa đổi, bổ sung: ngày...tháng...năm...(nếu có)
Cấp lại: ngày... tháng...năm... (nếu có)
Cấp gia hạn: ngày... tháng... năm...(nếu có)

CỤC TRƯỞNG
CỤC PHÁT THANH, TRUYỀN HÌNH VÀ THÔNG TIN ĐIỆN TỬ

Căn cứ Nghị định số 43/2025/NĐ-CP ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch;

Căn cứ Nghị định số 147/2024/NĐ-CP *ngày 09 tháng 11 năm 2024 của Chính phủ quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ Internet và thông tin trên mạng;*

Căn cứ Quyết định số .../QĐ-BVHTTDL ngày.....tháng..... năm.... của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử;

Theo đề nghị của (cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp đề nghị cấp phép);

Theo đề nghị của Trưởng phòng Phòng Thông tin điện tử.

QUYẾT ĐỊNH:
CẤP GIẤY PHÉP CUNG CẤP DỊCH VỤ MẠNG XÃ HỘI THEO NHỮNG QUY ĐỊNH SAU:

Điều 1. Cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp được cung cấp dịch vụ mạng xã hội theo các quy định sau:

1. Tên cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp cung cấp dịch vụ mạng xã hội: .....

- Địa chỉ trụ sở chính: .....

- Địa chỉ trụ sở giao dịch: ...

- Quyết định thành lập/Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/Giấy chứng nhận đầu tư số: ..... do .... cấp ngày ... tháng ... năm ... tại ...

- Điện thoại: ..... Website.....

2. Tên mạng xã hội (nếu có):

3. Mục đích cung cấp dịch vụ mạng xã hội:

4. Loại hình dịch vụ mạng xã hội:

5. Phương thức cung cấp dịch vụ:

a) Trên trang thông tin điện tử tại tên miền:

b) Qua ứng dụng ... phân phối trên kho ứng dụng...

6. Địa điểm đặt hệ thống máy chủ cung cấp dịch vụ tại Việt Nam:

7. Nhân sự chịu trách nhiệm quản lý nội dung thông tin trên mạng xã hội:

a) Nhân sự chịu trách nhiệm trước pháp luật:

- Họ và tên: .....
- Chức danh: .....
- Số điện thoại liên lạc (cả cố định và di động): .....

b) Nhân sự quản lý nội dung:

- Họ và tên: .....
- Chức danh: .....
- Số điện thoại liên lạc (cả cố định và di động): .....

Điều 2. Ngoài các quy định tại Điều 1, (cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp) có các trách nhiệm sau:

1. (Cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp) phải thực hiện đúng các quy định về hoạt động quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ Internet và thông tin trên mạng; các cam kết tại hồ sơ đề nghị cấp phép và những điều ghi trong giấy phép này.

2. Trường hợp trên mạng xã hội có cung cấp dịch vụ khác thuộc các ngành nghề kinh doanh có điều kiện cần phải có giấy phép, giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh, (Cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp) phải thực hiện thủ tục đề nghị cấp giấy phép hoặc giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh theo quy định của pháp luật.

3. Cung cấp dịch vụ mạng xã hội tuân thủ theo quy định của pháp luật và thỏa thuận cung cấp và sử dụng dịch vụ với người sử dụng; mô tả quy trình, cách thức phân phối nội dung trên nền tảng mạng xã hội của mình và công bố công khai trong Thỏa thuận cung cấp dịch vụ/Tiêu chuẩn cộng đồng cho người sử dụng dịch vụ biết để lựa chọn sử dụng dịch vụ theo quy định tại khoản 2 Điều 35 Nghị định số 147/2024/NĐ-CP ngày 09 tháng 11 năm 2024 của Chính phủ.

4. Bảo đảm quyền quyết định của người sử dụng dịch vụ khi cho phép thông tin của mình được sử dụng cho mục đích quảng bá, truyền thông và cung cấp cho tổ chức, cá nhân khác theo quy định tại khoản 3 Điều 35 Nghị định số 147/2024/NĐ-CP ngày 09 tháng 11 năm 2024 của Chính phủ.

5. Không đăng tải hoặc cho thành viên (bao gồm cả nhân sự của cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp cung cấp dịch vụ mạng xã hội) viết bài dưới hình thức phóng sự, điều tra, phỏng vấn và đăng tải lên mạng xã hội theo quy định tại khoản 4 Điều 35 Nghị định số 147/2024/NĐ-CP ngày 09 tháng 11 năm 2024 của Chính phủ.

6. Kiểm tra, giám sát và loại bỏ thông tin, dịch vụ vi phạm Điều 8 Luật An ninh mạng chậm nhất là 24 giờ kể từ thời điểm phát hiện vi phạm. Thông báo đến người đăng tải nội dung bị khiếu nại: lý do nội dung bị tạm khóa hoặc xóa bỏ; có cơ chế để người có thông tin bị tạm khóa phản hồi lại theo quy định tại khoản 5 Điều 35 Nghị định số 147/2024/NĐ-CP ngày 09 tháng 11 năm 2024 của Chính phủ.

7. Thực hiện việc ngăn chặn, gỡ bỏ thông tin, dịch vụ vi phạm quy định của pháp luật theo yêu cầu của các cơ quan có thẩm quyền theo quy định tại khoản 6 Điều 35 Nghị định số 147/2024/NĐ-CP ngày 09 tháng 11 năm 2024 của Chính phủ.

8. Thực hiện việc tạm khóa hoặc khóa vĩnh viễn hoạt động đối với các tài khoản, trang cộng đồng, nhóm cộng đồng, kênh nội dung thường xuyên đăng tải nội dung vi phạm pháp luật chậm nhất là 24 giờ khi có yêu cầu của các cơ quan có thẩm quyền theo theo quy định tại khoản 7 Điều 35 Nghị định số 147/2024/NĐ-CP ngày 09 tháng 11 năm 2024 của Chính phủ.

9. Cung cấp thông tin của người sử dụng dịch vụ mạng xã hội cho cơ quan có thẩm quyền khi có yêu cầu bằng văn bản để phục vụ công tác điều tra, xử lý hành vi vi phạm pháp luật về quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ internet và thông tin trên mạng theo quy định tại khoản 9 Điều 35 Nghị định số 147/2024/NĐ-CP ngày 09 tháng 11 năm 2024 của Chính phủ.

10. Thực hiện việc đăng ký, lưu trữ, xác thực và quản lý nội dung, thông tin của người sử dụng dịch vụ mạng xã hội theo quy định của pháp luật. Bảo đảm chỉ những người sử dụng đã cung cấp đầy đủ, chính xác thông tin theo quy định mới được đăng tải thông tin (viết bài, bình luận, livestream) và chia sẻ thông tin trên mạng xã hội. Thực hiện xóa thông tin của người sử dụng dịch vụ sau khi hết hạn thời gian lưu trữ theo quy định theo quy định tại khoản 11 Điều 35 Nghị định số 147/2024/NĐ-CP ngày 09 tháng 11 năm 2024 của Chính phủ.

11. Phối hợp với các cơ quan quản lý nhà nước cung cấp thông tin, phổ biến quy định của pháp luật Việt Nam có liên quan đến việc cung cấp, sử dụng Internet và thông tin trên mạng đến người sử dụng dịch vụ mạng xã hội theo quy định tại khoản 12 Điều 35 Nghị định số 147/2024/NĐ-CP ngày 09 tháng 11 năm 2024 của Chính phủ.

12. Triển khai giải pháp bảo vệ trẻ em trên môi trường mạng theo quy định của pháp luật về bảo vệ trẻ em theo quy định tại khoản 13 Điều 35 Nghị định số 147/2024/NĐ-CP ngày 09 tháng 11 năm 2024 của Chính phủ.

13. Kết nối đến hệ thống giám sát của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch để phục vụ việc thống kê, theo dõi lượng người sử dụng, truy cập theo quy định tại khoản 14 Điều 35 Nghị định số 147/2024/NĐ-CP ngày 09 tháng 11 năm 2024 của Chính phủ.

14. Cung cấp công cụ tìm kiếm, rà quét nội dung theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền theo quy định tại khoản 15 Điều 35 Nghị định số 147/2024/NĐ-CP ngày 09 tháng 11 năm 2024 của Chính phủ.

15. Báo cáo theo quy định và chịu sự thanh tra, kiểm tra của các cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền theo quy định tại khoản 16 Điều 35 Nghị định số 147/2024/NĐ-CP ngày 09 tháng 11 năm 2024 của Chính phủ.

16. Thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

Điều 3. Hiệu lực của giấy phép:

1. Giấy phép này có giá trị trong ... năm (Giấy phép này có giá trị đến ngày...tháng...năm... và thay thế giấy phép số...cấp ngày...tháng...năm... trong trường hợp cấp sửa đổi, bổ sung, cấp lại, gia hạn giấy phép).

2. Giấy phép này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Nơi nhận:
- Cơ quan/Tổ chức/DN được cấp phép;
- Bộ Công an;
- Thanh tra Chính phủ;
- Thứ trưởng (để b/c);
- Sở VHTT/VHTTDL địa phương;
- Lưu: VT, PTTH&TTĐT,

CỤC TRƯỞNG

(Ký, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu/ký số)

Mẫu số 61

TÊN CƠ QUAN, TỔ CHỨC, DOANH NGHIỆP	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
	Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: ….	*……, ngày ... tháng ... năm ...*

BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG KẾT NỐI ĐỂ CUNG CẤP DỊCH VỤ NỘI DUNG THÔNG TIN TRÊN MẠNG VIỄN THÔNG DI ĐỘNG

Kính gửi:
- Bộ Khoa học và Công nghệ (Cục Viễn thông);
- Sở Khoa học và Công nghệ địa phương nơi doanh nghiệp đăng ký trụ sở hoạt động.

Căn cứ Luật Viễn thông số 24/2023/QH15 ngày 24 tháng 11 năm 2023;

Căn cứ Nghị định số 147/2024/NĐ-CP ngày 09 tháng 11 năm 2024 của Chính phủ về quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ Internet và thông tin trên mạng;

(Tên tổ chức, doanh nghiệp) báo cáo hoạt động kết nối để cung cấp dịch vụ nội dung thông tin trên mạng viễn thông di động như sau:

1. Thông tin chung

- Tên tổ chức, doanh nghiệp đầy đủ (Ghi bằng chữ in hoa) .....
- Tên tổ chức, doanh nghiệp viết bằng tiếng nước ngoài: .....
- Tên tổ chức, doanh nghiệp viết tắt: .....
- Tình trạng hoạt động: ……
- Người đại diện theo pháp luật: .....
- Địa chỉ trụ sở chính: .....
- Địa chỉ liên hệ: .....
- Điện thoại: ..... Fax: ..... Website: ..... Thư điện tử: .....
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Giấy chứng nhận đầu tư/Quyết định thành lập số: ...do ... cấp ngày... tháng ... năm ...

2. Báo cáo tình hình hoạt động kết nối để cung cấp dịch vụ nội dung thông tin trên mạng viễn thông di động:

STT	Tên dịch vụ	Mã số viễn thông	Phương thức đăng ký	Phương thức cung cấp	Doanh nghiệp viễn thông kết nối tới	Số lượng khiếu nại	Doanh thu	Trạng thái (đang hoạt động/dừng hoạt động)	Ghi chú
1									
2									
…									

3. (Tên tổ chức, doanh nghiệp) xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định tại Nghị định số 147/2024/NĐ-CP ngày 09 tháng 11 năm 2024 của Chính phủ quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ Internet và thông tin trên mạng, cụ thể:

- Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác và tính hợp pháp của nội dung trong báo cáo nêu trên và các tài liệu kèm theo;

- Chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung thông tin cung cấp và đảm bảo đáp ứng các điều kiện cung cấp dịch vụ nội dung thông tin trên mạng viễn thông di động theo quy định khi cung cấp dịch vụ;

- Chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật về hoạt động cung cấp dịch vụ nội dung thông tin trên mạng viễn thông di động và các quy định có liên quan.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Lưu:

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CỦA TỔ CHỨC/DOANH NGHIỆP
(Ký, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu/ký số)

Tài liệu kèm theo:
- ……..;
- ……..

Đầu mối liên hệ (họ tên, chức vụ, điện thoại, địa chỉ thư điện tử).